

Số: /NQ-HĐND

Krông Nô, ngày tháng năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 6

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của  
HĐND tỉnh Đắk Nông về việc Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn  
(nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của  
HĐND huyện Krông Nô về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn  
2021-2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn  
vốn ngân sách cấp huyện;*

*Xét đề nghị của UBND huyện Krông Nô tại Tờ trình số 71/TTr-UBND,  
ngày 30 tháng 6 năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND  
huyện tại Báo cáo số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 và ý kiến của  
Đại biểu HĐND huyện.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện, (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND huyện triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng và các văn bản quy định hiện hành.

**2.** Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND huyện có nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Krông Nông khoá VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày      tháng      năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, KH&ĐT;
- TT: Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban Đảng và VP Huyện uỷ;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND;
- VP. HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Quốc**

**PHỤ BIỂU 02**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**  
 (Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2023 của HĐND huyện Krông Nô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>				<b>544.323</b>	<b>326.072</b>	<b>2.990</b>	<b>23.790</b>	<b>580.123</b>	<b>346.872</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TÍNH PHÂN CẤP</b>				<b>135.718</b>	<b>81.457</b>	<b>2.934</b>	<b>2.934</b>	<b>148.518</b>	<b>81.457</b>	
<b>1</b>	<b>Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>34.607</b>	<b>7.583</b>	-	-	<b>34.607</b>	<b>7.583</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>18.908</b>	<b>2.676</b>	-	-	<b>18.908</b>	<b>2.676</b>	
1.1.1	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Xây mới thêm 10 phòng học 2 tầng, thiết bị	3021/QĐ ngày 31/10/2018	4.932	403			4.932	403	
1.1.2	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Đăk Drô	Xây dựng 03 phòng học và nhà hiệu bộ	3287/QĐ ngày 13/11/2019	4.509	1.689			4.509	1.689	
1.1.3	Trường TH Kim Đồng	Xã Năm N'Đir	Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	3019/QĐ ngày 31/10/2018	4.467	340			4.467	340	
1.1.4	Trường Tiểu học Lê Lợi, xã Năm Xuân	Xã Năm Xuân	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.	2197/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	5.000	244			5.000	244	
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>2.833</b>	<b>373</b>	-	-	<b>2.833</b>	<b>373</b>	
1.2.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường huyện Đăk Mâm - Năm Nung - Năm N'đir (đoạn trung tâm xã Năm Nung)	Xã Năm Nung	Nâng cấp mở rộng 2km mặt đường láng nhựa	3011/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.833	373			2.833	373	
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>3.564</b>	<b>973</b>	-	-	<b>3.564</b>	<b>973</b>	
1.3.1	Kè Chống sạt lở suối Đăk Nang	Xã Đăk Nang	800 m	2950/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.200	204			2.200	204	
1.3.2	Trạm bơm điện bon Choih xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên		2049/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	1.364	769			1.364	769	
<b>1.4</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý Nhà nước</b>				<b>9.302</b>	<b>3.561</b>	-	-	<b>9.302</b>	<b>3.561</b>	
1.4.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.561			9.302	3.561	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>101.111</b>	<b>70.995</b>	<b>55</b>	<b>2.934</b>	<b>113.911</b>	<b>73.874</b>	
2.1	<b>Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>				<b>29.048</b>	<b>20.381</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>29.048</b>	<b>20.381</b>	
2.1.1	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2952/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	4.000	3.910			4.000	3.910	
2.1.2	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	3.260			4.500	3.260	Vốn lồng ghép NS thu tiền sử dụng đất
2.1.3	Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	5046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700	3.383			3.700	3.383	
2.1.4	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	4878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.700	3.585	55		3.700	3.530	Giảm do giá trị quyết toán dự án hoàn thành giảm so với dự toán được duyệt
2.1.5	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	214/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.700	3.600		55	3.700	3.655	
2.1.6	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	230/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.200			2.500	2.200	
2.1.7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nông, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	2965/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	2.239	142			2.239	142	Đối ứng với nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 2.036 triệu đồng
2.1.8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nông, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	96/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.709	301			4.709	301	Đối ứng với nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 4.408 triệu đồng
2.2.	<b>Lĩnh vực văn hoá</b>				<b>10.000</b>	<b>3.655</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>10.000</b>	<b>3.805</b>	
2.2.1	Nhà văn hoá xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Hội trường 200 chỗ ngồi	243/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.000	1.455			3.000	1.455	Đối ứng với nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.500 trđ.
2.2.2	Nhà văn hoá xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Hội trường 200 chỗ ngồi	94/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	3.000	1.200		150	3.000	1.350	Đối ứng với nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.2.3	Cổng chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Xây dựng 01 cổng chào điện tử; 03 cổng hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	1.000			4.000	1.000	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ
<b>2.3</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>16.190</b>	<b>12.098</b>	-	-	<b>16.190</b>	<b>12.098</b>	
2.3.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đăk Vượng	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 600m đường giao thông nông thôn, cấp B.	245/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.400	1.366			1.400	1.366	
2.3.2	Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh	TT Đăk Mâm	Nâng cấp 650m đường giao thông nông thôn, cấp B.	224/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.300	1.200			1.300	1.200	
2.3.3	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	xã Nam Xuân	BT 2 km, nền đường	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	4.990	4.962			4.990	4.962	
2.3.4	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	4.570			8.500	4.570	
<b>2.4</b>	<b>Lĩnh vực cấp, thoát nước</b>				<b>16.996</b>	<b>10.828</b>	-	<b>1.000</b>	<b>16.996</b>	<b>11.828</b>	
2.4.1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đăk Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước 200 hộ	5145/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.996	4.823			4.996	4.823	
2.4.2	Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nam N'Đir	xã Nam N'Đir	Cấp nước 350 hộ	235/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	7.000	4.955			7.000	4.955	
2.4.3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Xây mới công trình cấp nước cho khoảng 250 hộ dân	88/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.000	1.050		1.000	5.000	2.050	Lồng ghép với nguồn CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.900 trđ.
<b>2.5</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>6.800</b>	<b>5.010</b>	-	-	<b>6.800</b>	<b>5.010</b>	
2.5.1	Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Tưới bổ trợ cho 40 ha	234/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.300			5.000	3.300	
2.5.2	Kênh chính và kênh đất cánh đồng bon Choih	Xã Đứk Xuyên	Nâng cấp sửa chữa 1.300m kênh	233/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.710	0		1.800	1.710	
<b>2.6</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>1.089</b>	<b>1.028</b>	-	-	<b>1.089</b>	<b>1.028</b>	
2.6.1	Trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, sửa chữa kho lưu trữ của huyện	3106/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	1.089	1.028			1.089	1.028	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.7	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				20.987	17.995	-	1.729	33.787	19.724	
2.7.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Drô	Xã Đắc Drô	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	5066/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.2	Trụ làm việc Công an xã Năm Nung	Xã Năm Nung	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	4703/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.3	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000	1.900			3.500	1.900	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 1.500 trđ
2.7.4	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000	1.800			3.500	1.800	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 1.500 trđ
2.7.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Sôr	Xã Đắc Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000	1.000		729	3.500	1.729	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 1.500 trđ
2.7.6	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000	1.800		150	3.500	1.950	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 1.500 trđ
2.7.7	Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choáh	Xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000	1.900			3.500	1.900	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 1.500 trđ
2.7.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Điir	Xã Năm N'Điir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000	1.800		150	4.300	1.950	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 1.500 trđ
2.7.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000	1.000			3.500	1.000	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 1.500 trđ
2.7.10	Nhà làm việc xã đội Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà làm việc cấp IV	5067/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	987	965			987	965	
2.7.11	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhà làm việc cấp IV	217/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	950			1.000	950	
2.7.12	Nhà làm việc xã đội xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Nhà làm việc cấp IV	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	950			1.000	950	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.7.13	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo.					700	1.500	700	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo NQ 54: 800 trđ
3	<i>Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công</i>					2.879	2.879			-	
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>				<b>341.405</b>	<b>202.397</b>	<b>56</b>	<b>56</b>	<b>341.405</b>	<b>202.397</b>	<b>-</b>
1	Trích lập Quỹ phát triển đất để chuyển về quỹ đất tỉnh (20%)				45.001	45.001			45.001	45.001	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã	Toàn huyện			69.174	69.174			69.174	69.174	
3	<b>Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>35.304</b>	<b>12.198</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35.304</b>	<b>12.198</b>	
3.1	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>6.700</b>	<b>445</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.700</b>	<b>445</b>	
3.1.1	Trường TH Nguyễn Viết Xuân, xã Buôn Chóah	Buôn Choah	Công, tường rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	3286/QĐ ngày 13/11/2019	1.500	120			1.500	120	
3.1.2	Trường THCS Buôn Choah	Xã Buôn Choah	08 phòng học 2 tầng	2954, ngày 29/10/2019	5.200	325			5.200	325	
3.2	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>12.483</b>	<b>1.315</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.483</b>	<b>1.315</b>	
3.2.1	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	TT Đăk Mâm	1.200 m nhựa, HTTN	3016, ngày 31/10/2018	6.850	67			6.850	67	Do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng không thể thực hiện được
3.2.2	Nâng cấp đường giao thông nội bon Broih, thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nền, móng, mặt đường và HTTN	3021/QĐ-UBND ngày	1.000	200			1.000	200	
3.2.3	Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện	TT Đăk Mâm	Đền bù GPMB; Nền, mặt đường láng nhựa và HTTN, chiều dài 207m	2690/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	4.633	1.048			4.633	1.048	
3.3	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>16.121</b>	<b>10.438</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.121</b>	<b>10.438</b>	
3.3.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày	9.302	3.619			9.302	3.619	
3.3.2	Hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1)	TT Đăk Mâm		4166/QĐ-UBND ngày 26/12/2019	6.819	6.819			6.819	6.819	
4	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>191.926</b>	<b>76.024</b>	<b>56</b>	<b>56</b>	<b>191.926</b>	<b>76.024</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>4.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>20.484</b>	<b>11.539</b>	-	-	<b>20.484</b>	<b>11.539</b>	
4.1.1	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	1.191			4.500	1.191	Vốn lồng ghép NS tỉnh phân cấp năm 2021
4.1.2	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Nam Nung	Nhà hiệu bộ	5069/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.484	2.474			2.484	2.474	
4.1.3	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Nam Xuân	Nhà tập đa năng	5152/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	3.500	3.389			3.500	3.389	
4.1.4	Trường TH Trần Phú.	TT Đăk Mâm	Nhà hiệu bộ	213/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	1.250			2.500	1.250	
4.1.5	Trường Mầm Non Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	212/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.450			2.500	2.450	
4.1.6	Trường THCS Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Nâng cấp, mở rộng 8 phòng 2 tầng	1738/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	5.000	785			5.000	785	
<b>4.2</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				<b>5.000</b>	<b>3.738</b>	-	-	<b>5.000</b>	<b>3.738</b>	
4.2.1	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp khoảng 25.000m <sup>2</sup>	241/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.738			5.000	3.738	
<b>4.3</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>63.000</b>	<b>19.391</b>	-	-	<b>63.000</b>	<b>19.391</b>	
4.3.1	Đường từ thôn Xuyên Hà đến công ngầm Đăk Nang	Xã Đức Xuyên	Nâng cấp 2km đường giao thông nông thôn, cấp B.	232/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
4.3.2	Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện		Nâng cấp, cải tạo 0,7km đường đô thị.	93/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	7.000	6.904			7.000	6.904	
4.3.3	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	3.930			8.500	3.930	
4.3.4	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô	Xã Nam Đà, Đăk Drô		1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	692			20.000	692	
4.3.5	Đường tránh thao trường và tái định canh cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Xã Đức Xuyên		83/QĐ-BQL ngày 18/5/2022	21.000	1.365			21.000	1.365	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.3.6	Đường N6, Đ3 xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Nâng cấp 850m đường giao thông.	237/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
<b>4.4</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>21.742</b>	<b>8.789</b>	<b>-</b>	<b>56</b>	<b>21.742</b>	<b>8.845</b>	
4.4.1	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đắc Drô	Xã Đắc Drô	1205,71m kênh	5068/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.404	3.064			3.404	3.064	
4.4.2	Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dư	Xã Đắc Nang	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 1.200m kênh.	247/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.900	1.950		56	2.900	2.006	
4.4.3	Xây mới tuyến kênh 327, xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Đầu tư khoảng 700m kênh.	253/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.000			1.800	1.000	
4.4.4	Nâng cấp kênh chính và kênh đất cánh đồng thôn Bình Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Nâng cấp 2.000m kênh	246/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.200	2.100			4.200	2.100	
4.4.5	Hồ Đắc Lưu xã Tân Thành huyện Krông Nô	Xã Tân Thành		169/QĐ-BQL ngày 23/12/2021	9.438	675			9.438	675	Phân khai từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng để đối ứng công trình vốn tỉnh
<b>4.5</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>60.000</b>	<b>18.779</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60.000</b>	<b>18.779</b>	
4.5.1	Chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện	Toàn huyện	Đền bù GPMB			804				804	
4.5.2	Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị phía sau tiệm vàng Hồng Bình	TT Đắc Mâm	Đền bù GPMB	3239/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	1.156	18			1.156	18	
4.5.3	Trung tâm xã Đức Xuyên, hạng mục: Xây trụ sở HĐND&UBND xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Đền bù GPMB	2566/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	1.297	62			1.297	62	
4.5.4	Trung tâm cụm xã Đắc Nang, hạng mục: Giải phòng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND & UBND xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Đền bù GPMB	5273/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.512	2.503			2.512	2.503	
4.5.5	Trụ sở HĐND & UBND huyện Krông Nô, Hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc và công trình phụ trợ	TT Đắc Mâm	Cải tạo nhà làm việc và công trình phụ trợ	2821/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.434	2.434			2.434	2.434	
4.5.6	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	TT Đắc Mâm	Bồi thường giải phòng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông		33.300	8.830			33.300	8.830	
4.5.7	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Bồi thường giải phòng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông		9.000	2.000			9.000	2.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.5.8	Trung tâm xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt		10.300	2.128			10.300	2.128	
<b>4.6</b>	<b>Chỉ đầu tư khác</b>				<b>5.790</b>	<b>5.577</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.790</b>	<b>5.577</b>	
4.6.1	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Toàn huyện	San lấp mặt bằng khoảng 27.146m <sup>2</sup> và xây dựng hệ thống thoát nước bằng bê tông cốt thép dài khoảng 95m	128/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	2.745	2.503			2.745	2.503	
4.6.2	Hỗ trợ làm đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn	Toàn huyện			2.000	2.000			2.000	2.000	
4.6.3	Cụm công nghiệp huyện Krông Nô	Xã Đắc Drô	Đền bù GPMB	3224/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	1.045	1.045			1.045	1.045	
4.6.4	Đối ứng Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	Các xã, thị trấn				29				29	
<b>4.7</b>	<b>Lĩnh vực quy hoạch</b>				<b>1.911</b>	<b>1.911</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.911</b>	<b>1.911</b>	
4.7.1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	Toàn huyện	Quy hoạch SD đất cấp huyện	3173/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	1.911	1.911			1.911	1.911	
<b>4.8</b>	<b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>				<b>10.000</b>	<b>5.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>5.500</b>	
4.8.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đắc Mâm	TT Đắc Mâm	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và điện chiếu sáng đô thị.	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	5.500			10.000	5.500	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ
<b>4.9</b>	<b>Lĩnh vực điện</b>				<b>4.000</b>	<b>800</b>	<b>56</b>	<b>-</b>	<b>4.000</b>	<b>744</b>	
4.9.1	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	2,2km đường dây trung áp, 1,5km đường dây hạ áp và 2 trạm biến áp	2541/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	4.000	800	56		4.000	744	Giám đo giám thầu, chi phí dự phòng
<b>III</b>	<b>NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI VÀ TỈNH HỖ TRỢ</b>				<b>53.200</b>	<b>42.218</b>	<b>-</b>	<b>5.800</b>	<b>59.700</b>	<b>48.018</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>53.200</b>	<b>42.218</b>	<b>-</b>	<b>5.800</b>	<b>59.700</b>	<b>48.018</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>39.200</b>	<b>34.715</b>	<b>-</b>	<b>3.800</b>	<b>43.700</b>	<b>38.515</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.1	Trường TH Hoàng Diệu	Xã Nam Đà	Nâng cấp, mở rộng sân trường	250/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.2	Trường THCS Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	211/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	4.215			5.000	4.215	
1.1.3	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nâng cấp, mở rộng tường rào, nhà vệ sinh	1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.4	Trường THCS Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	230/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	5.000	2.500			5.000	2.500	
1.1.5	Trung tâm chính trị	Thị trấn Đắc Mâm	Kè chống sạt lở và nâng cấp mở, rộng sân bê tông	200/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.500	1.500			1.500	1.500	
1.1.6	Trường TH và THCS Nguyễn Việt Xuân	Xã Buôn Choah	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	248/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	252/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
1.1.8	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	226/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
1.1.9	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Đắc Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	231/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.10	Trường MN Vàng Anh	xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 6 phòng 2 tầng	1531/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	5.000	5.000			5.000	5.000	
1.1.11	Trường MN Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng tường rào, sân trường	227/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.12	Trường TH Bế Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng cổng, tường rào	249/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.13	Trường TH Bế Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	228/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
1.1.14	Trường tiểu học Kim Đồng	Xã Năm N'Đir	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2338/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1000	400			1.000	400	Vốn đối ứng với nguồn tài trợ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.15	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2339/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.000	400			1.000	400	Vốn đối ứng với nguồn tài trợ
1.1.16	Trường THCS Năm Nung, hạng mục: Tường rào	Xã Năm Nung	Tường rào		1.200	1.200			1.200	1.200	
1.1.17	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Nhà đa năng					3.500	3.500	3.500	
1.1.18	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	Xã Nam Đà	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ					300	1.000	300	Vốn đối ứng với nguồn tài trợ
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				<b>4.000</b>	<b>3.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000</b>	<b>3.000</b>	
1.2.1	Cổng chào điện tử, cổng hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Xây dựng 01 cổng chào điện tử; 03 cổng hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	3.000			4.000	3.000	Lồng ghép với nguồn ngân huyện
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>				<b>10.000</b>	<b>4.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>4.500</b>	
1.3.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và điện chiếu sáng đô thị.	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	4.500			10.000	4.500	Lồng ghép với nguồn thu tiền sử dụng đất
<b>1.4</b>	<b>Chi đầu tư khác</b>				<b>-</b>	<b>3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3</b>	
1.4.1	Đối ứng Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	TT Đăk Mâm				3				3	
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	
1.5.1	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới)	TT Đăk Mâm						2.000	2.000	2.000	
<b>IV</b>	<b>NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐẢM BẢO CỞ SỞ VẬT CHẤT CHO LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ CHÍNH QUY THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2022</b>				<b>14.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.000</b>	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>14.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.000</b>	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>14.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15.000</b>	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.1	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000			1.500	3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.2	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000			1.500	3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.3	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000			1.500	3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.4	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo.					800	1.500	800	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 700 triệu đồng
1.1.5	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà ở doanh trại, bếp ăn tập thể, kho vật chứng	Xã Tân Thành	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh					700	700	700	
1.1.6	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000			1.500	3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.7	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Sôr	Xã Đắk Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000			1.500	3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000			1.500	4.300	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Nang	Xã Đắk Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2.000			1.500	3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.10	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Drô, hạng mục: Công vào trụ sở; mở rộng sân bê tông; nhà để xe và đường nội bộ	Xã Đắk Drô	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh					1.500	1.500	1.500	
1.1.11	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung		Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh					1.500	1.500	1.500	
<b>V</b>	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP THIẾT ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA CÂN ĐỐI ĐƯỢC NGUỒN VỐN</b>				<b>269.192</b>	<b>-</b>	<b>3.500</b>	<b>11.850</b>	<b>277.542</b>	<b>0</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>1</b>	<b>Dự án khôi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>269.192</b>	<b>-</b>	<b>3.500</b>	<b>11.850</b>	<b>277.542</b>	<b>0</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>24.000</b>	<b>-</b>	<b>3.500</b>	<b>-</b>	<b>20.500</b>	<b>0</b>	
1.1.1	Trường TH Trần Phú.	TT Đắk Mâm	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		4.000			0	4.000		
1.1.2	Trường MN Vàng Anh	Xã Nam Xuân	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		4.000				4.000		
1.1.3	Trường TH Ngô Gia Tự	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.4	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	04 phòng học bộ môn và thư viện		4.000				4.000		
1.1.5	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà đa năng		3.500				3.500		
1.1.6	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.7	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Nhà đa năng		3.500		3.500				Giảm là do đx được đưa vào đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>161.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>161.500</b>	<b>-</b>	
1.2.1	Đường giao thông thôn Phú Lợi đến điểm quy hoạch dân cư số 2	Xã Quảng Phú	2,8 Km mặt đường láng nhựa		8.000				8.000		
1.2.2	Đường quy hoạch nối giữa N15 đi Đ17	TT Đắk Mâm	0,5km		6.000				6.000		
1.2.3	Đường Cao Sơn đi thôn Nam Tiến	xã Buôn Choóah	BT 0,82 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		2.000				2.000		
1.2.4	Đường tránh lũ xã Buôn Choóah	xã Buôn Choóah	BT 3,2 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		5.000				5.000		
1.2.5	Đường tránh thao trường diễn tập của lực lượng vũ trang tỉnh nối khu tái định canh xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhựa hóa 5,582km, nền đường rộng 6m, mặt đường rộng 3,5m		20.000				20.000		
1.2.6	Đường chính khu vực Đ11e	TT Đắk Mâm	0,367 km đường đô thị		5.000				5.000		
1.2.7	Đường giao thông liên khu vực Đ7	TT Đắk Mâm	1,88km đường đô thị		20.000				20.000		
1.2.8	Đường giao thông liên khu vực Đ10e	TT Đắk Mâm	1,130km đường đô thị		15.000				15.000		
1.2.9	Đường giao thông liên khu vực Đ10c, Đ10d	TT Đắk Mâm	2,425km đường đô thị		30.000				30.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2.10	Nâng cấp đường Nam Đà đi Ba Buôn Đắc Mâm (ĐH61)	Xã Nam Đà, TT Đăk Mâm	4,3km đường giao thông		15.000				15.000		
1.2.11	Nâng cấp đường Quốc lộ 28 đi thôn 2, xã Quảng Phú (ĐH63)	Xã Quảng Phú	6km đường giao thông		20.000				20.000		
1.2.12	Đường thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang (khu vực người dân sáng chi)	Xã Đăk Nang	900m đường giao thông		2.000				2.000		
1.2.13	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 28 đi tỉnh lộ 3	Xã Nam Đà	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng 2,5km đường nhựa		6.500				6.500		
1.2.14	Các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng	Nam Đà, Buôn Choah	6 km đường		7.000				7.000		
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực cấp, thoát nước</b>				<b>11.558</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.558</b>		
1.3.1	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn Cao Sơn	Xã Buôn Choah	256 hộ		4.658				4.658		
1.3.2	Nâng cấp công trình sinh hoạt thôn Đăk Ri	Tân Thành	120 hộ		3.900				3.900		
1.3.3	Cấp nước tập trung thôn Nam Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước cho 160 hộ		3.000				3.000		
<b>1.4</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>24.634</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.634</b>		
1.4.1	Cổng tiêu qua kênh tiêu cánh đồng Đăk Rên, xã Năm N'Đir	Năm N'Đir	03 cổng tiêu		950				950		
1.4.2	Nạo vét hệ thống kênh tiêu cánh đồng Đăk Rên, xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	3000m		3.200				3.200		
1.4.3	Thủy lợi hồ Đăk Na 1 (Khu làng Dao)	Xã Tân Thành	Đập (hồ chứa)		7.000				7.000		
1.4.4	Nạo vét kênh tiêu cánh đồng Buôn Lang, Quảng Phú	Xã Quảng Phú	950m		2.100				2.100		
1.4.5	Nâng cấp kênh đất cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	1500m		2.184				2.184		
1.4.6	Trạm bơm điện cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Một trạm bơm		4.900				4.900		
1.4.7	Kênh tưới khu vực cù lao cánh đồng thôn 1 xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	1200m		4.300				4.300		
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao</b>				<b>39.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.000</b>	<b>0</b>	
1.5.1	Trung tâm VH TT huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Nhà làm việc TTVH TT		12.000				12.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 19/12/2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.5.2	Khu liên hợp thể thao huyện	TT Đắc Mâm	Nhà thi đấu, sân quần vợt, sân bóng chuyền, cầu lông, hệ thống điện chiếu sáng..		12.000				12.000		
1.5.3	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đắc Mâm	Tổng diện tích 2,5 ha bao gồm khu vực khán đài, sân khấu ngoài trời, nhà vệ sinh, phòng thay đồ, cây xanh, điện chiếu sáng, hàng rào...		15.000				15.000		
<b>1.6</b>	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>8.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.850</b>	<b>20.350</b>	<b>-</b>	
1.6.1	Nâng cấp, sửa chữa thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đắc Drô	Lu lèn, mương thoát nước, hầm bảo bia,...		1.000				1.000		
1.6.2	Đường vành đai nội bộ Ban chỉ huy quân sự huyện	Thị trấn Đắc Mâm	Đường bê tông dài 1km		1.500				1.500		
1.6.3	Thao trường huấn luyện cụm xã phía Bắc	Xã Nam Đă			2.000				2.000		
1.6.4	Kho vật chất khu căn cứ hậu phương của huyện	Nâm Nung			4.000				4.000		
1.6.5	Thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đắc Drô	Bồi thường giải phóng mặt bằng, nâng cấp, mở rộng thao trường bắn					11.850	11.850		